

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HC-PT

Ngày 09-01-2018

V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với
trường hợp cưỡng chế thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình.

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 237/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 8 năm 2017 về khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 822/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1955; cư trú tại: phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2018): Ông Lê Cẩm Q, sinh năm: 1975; cư trú tại: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: đường C, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2017): Ông Trần Minh T; chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: đường C, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt và có đơn đề ngày ngày 03 tháng 01 năm 2018 xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Khoa N, sinh năm 1981; địa chỉ: đường D, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Người kháng cáo: người khởi kiện là bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 12 năm 2016 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Dương Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Lê Cẩm Q trình bày:

Năm 2012, bà Dương Thị T nhận Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) thành phố P thu hồi 309 m² đất có nhà ở tại đô thị của bà để thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới M thành phố P (thuộc thửa đất số 16e, tờ bản đồ địa chính số 2). Sau đó, bà nhận Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà với tổng số tiền bồi thường là 394.066.858 đồng (ba trăm chín mươi bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Không đồng ý với Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thành phố P, bà đã làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố P nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 26/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố Phan Rang –Tháp Chàm ban hành Quyết định số 1449/QĐ-UBND (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1449) cưỡng chế thu hồi đất của bà Dương Thị T trong khi bà chưa được giải quyết khiếu nại, chưa nhận tiền bồi thường và chưa được nhận hỗ trợ tái định cư của người có đất bị thu hồi là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, vi phạm pháp luật được quy định tại các Điều 30, Khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 5 Điều 71 và Điều 83 của Luật đất đai năm 2013, Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường và các điều 19, 20, 22, 23, 24, 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất, buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố P là ông Trần Minh T có bản trình bày ý kiến ngày 13 tháng 3 năm 2017:

UBND thành phố đã ban hành quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc thu hồi thửa đất số 16e, tờ bản đồ địa chính số 2 (trong đó có 100m² đất ở, 209m² đất nông nghiệp) của hộ bà Dương Thị T tại phường S để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới M thành phố P (Khu K1) (Sau đây viết là Khu K1). Cùng ngày 16/10/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Sau khi ban hành quyết định thu hồi và triển khai quyết định đến hộ bà Dương Thị T, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND phường S, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường S đã tiến hành mời hộ bà Dương Thị T đến để vận động nhiều lần nhưng hộ bà T không đồng ý bàn giao mặt bằng hoặc vắng mặt không có lý do.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận tại văn bản số 2307/TTPTQĐ-BTGMB ngày 24/12/2015 về việc đề nghị cưỡng chế các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất tại dự án Khu K1, sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi bồi thường, quá trình mời vận động của hộ bà Dương Thị T và Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 15/3/2016 của UBND phường S về việc vận động hộ bà Dương Thị T bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án quy hoạch Khu K1, đã có đề nghị tại tờ trình số 684/TTr-TNMT ngày 25/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 1449/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Dương Thị T vào ngày 26/5/2016. Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục tại điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013 quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

Ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ nguyên Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

Ngày 24/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã nhận được đơn của bà Dương Thị T yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm ngừng thi hành Quyết định 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 29/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ra Thông báo số 04/TB-HC về việc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đơn yêu cầu của bà Dương Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc:

- Hủy Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà Dương Thị T đúng quy định của pháp luật thời điểm 2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, bà Dương Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P và các quyết định khác

do ban hành sai nội dung, trình tự thực hiện các thủ tục; buộc UBND thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đơn kháng cáo, bà T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với chủ đầu tư là Công ty cổ phần Đ Ninh Thuận và Ban cưỡng chế thu hồi đất; Bà không nhận được các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư nên việc ban hành Quyết định 1449 cưỡng chế thu hồi đất là sai quy định; Việc quy hoạch Khu K1 vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Cơ quan có thẩm quyền đã vi phạm quy định khi thực hiện thủ tục thu hồi đất nhưng Tòa án không xem xét thông báo thu hồi đất vi phạm Luật đất đai 2003; Việc bồi thường đã được áp dụng thiếu chính sách hỗ trợ và sai nội dung Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được duyệt; Người bị thu hồi đất không được tham gia kiểm kê, đo đạc hiện trường; UBND đã vi phạm thủ tục giao quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất, vi phạm trình tự, thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, vi phạm Bộ luật Dân sự 2015, Luật người cao tuổi 2009 và Luật người khuyết tật 2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không thay đổi, bổ sung hay rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên quan điểm trình bày như đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đơn kháng cáo và trình bày bổ sung: “Các quyết định khác” nêu trong đơn kháng cáo là quyết định số 3036 và Quyết định bồi thường (không biết số vì không nhận được). 209m² loại đất ở mà Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ bồi thường đất nông nghiệp là thiệt hại cho bà T. Quy trình quy định là phải giao trực tiếp cho người có tên trên Quyết định nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P không thực hiện. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 đối với các quyết định thu hồi và bồi thường đã được đưa cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong khi khởi kiện vụ án khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P trình bày: Các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đều được giao cho bà T đúng quy định của pháp luật nhưng bà T không thực hiện nên UBND thành phố P ra Quyết định cưỡng chế là đúng luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Năm 2016, UBND thành phố P đã có Quyết định giải quyết khiếu nại của bà T đối với Quyết định số 1449.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị T tại phường S để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới M thành phố P đã có hiệu lực và hết thời hiệu khởi kiện nên UBND thành phố P ra Quyết định cưỡng chế là có căn cứ, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Dương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất; buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm 2016. Tại đơn kháng cáo bà T yêu cầu xem xét thêm “các quyết định khác” và nội dung “theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành”. Các yêu cầu bổ sung của bà T vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét.

[2] Căn cứ khoản 1, 2 và 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc trường hợp “kiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi đất”. Bà T khởi kiện ngày 21/12/2016 là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính 2015. Người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1449 dựa trên quá trình thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Dương Thị T qua các văn bản sau: Ngày 09/3/2010, UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định 482/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu K1, thành phố P. Ngày 26/3/2010 UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quyết định số 297/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ đề xuất và chấp thuận chủ đầu tư dự án Khu K1, thành phố P. Trong các ngày 14/6/2010, ngày 01/7/2010 và ngày 14/3/2011, UBND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành các Thông báo số 43/TB-UBND, Thông báo số 53/TB-UBND, Thông báo số 21/TB-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch Khu K1. Ngày 16/10/2012, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3044/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch Khu K1. Ngày 16/10/2012, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 3036/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị T sử dụng tại phường S để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu K1 (Thu hồi thửa đất số 16e, tờ bản đồ địa chính số 2; trong đó: 100m² đất ở, 209 m² đất nông nghiệp). Cùng ngày 16/10/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 394.066.858 đồng. Ngày 25/12/2013, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3190/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá đất cho hộ bà Dương Thị T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 3.830.400 đồng. Ngày 06/8/2015, UBND thành phố P tiếp tục ban hành Quyết định số 1447/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung nhà ở vật kiến trúc cho hộ bà Dương Thị T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1, với tổng số tiền là 92.714.714 đồng. Ngày

24/12/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận có Văn bản số 2307/TTPTQĐ-BTGPMB về việc đề nghị cưỡng chế 07 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất tại dự án Quy hoạch Khu K1 trong đó có hộ bà Dương Thị T. Sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi, bồi thường, quá trình mời, vận động hộ bà T bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1, đã có đề nghị tại Tờ trình số 684/TTr-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố ngày 25/5/2016.

[4] Quyết định số 1449 được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013, đúng nguyên tắc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật đất đai vì bà T không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi được vận động, thuyết phục. Quyết định số 1449 đã được triển khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và có hiệu lực thi hành.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1449 (Văn bản được Phó Chủ tịch UBND huyện ký thay Chủ tịch) là đúng thẩm quyền.

[6] Hộ bà Dương Thị T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 079881 ngày 16/7/2002 theo Quyết định số 1118/QĐ-KT-CT ngày 16/7/2002 của Chủ tịch UBND thị xã P, loại đất T + HNK + Vườn, diện tích 309 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 02, hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp. UBND thành phố P ra Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 thu hồi đất của hộ bà T và bồi thường hỗ trợ theo các Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2013, Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND thành phố P, các quyết định này đã có hiệu lực thi hành nhưng hộ bà Dương Thị T không chấp hành bàn giao mặt bằng. Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND thành phố P và UBND phường S, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường S, Công ty cổ phần Đ nhiều lần mời bà Dương Thị T đến để nhận tiền bồi thường và vận động bàn giao mặt bằng nhưng hộ bà T vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành bàn giao mặt bằng. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1449 ngày 26/5/2016 để cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Dương Thị T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[7] Quyết định số 1449 được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng về nội dung, UBND thành phố P đã có nhiều văn bản liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T là đúng. Bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà cùng quan điểm của người đại diện của bà.

[8] UBND thành phố P đã thực hiện các công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật. Việc bà T và gia đình không nhận các khoản bồi thường, hỗ trợ không phải là lỗi của UBND thành phố P nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Buộc UBND thành phố P bồi thường,

hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà Dương Thị T đúng quy định của pháp luật thời điểm 2016” của bà T là có cơ sở.

[9] Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận ra Thông báo số 04/TB-HC ngày 29 tháng 3 năm 2017 về việc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng với quy định của pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng vì không cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như yêu cầu của bà T thì Quyết định số 1449 cũng không được thi hành do Tòa án đang trong quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Quyết định này.

[10] Các luận cứ khác do bà T nêu trong đơn kháng cáo là: bà không nhận được Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư, không được tham gia kiểm kê, đo đạc hiện trường, trình tự thực hiện thủ tục giao Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất và trình tự, thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bị vi phạm không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận do trái với các nội dung đã phân tích trên và bà T đã kháng định trong quá trình giải quyết vụ án là việc ra Quyết định số 1449 khi bà đang khiếu nại các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư, nghĩa là bà đã biết rõ về các quyết định đó.

[11] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Do không được chấp nhận kháng cáo, bà Dương Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc hủy Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà Dương Thị T đúng quy định của pháp luật thời điểm 2016.

Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013786 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), HTKN, 13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh